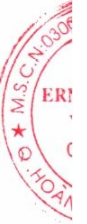


# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 45

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017  
Miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.



Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:   
  
Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

Số tham chiếu: 61060845/19539448

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 9 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.




### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 9 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trần Thu Hà  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2499-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>978.458.591.025</b>	<b>906.512.804.534</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.925.207.327</b>	<b>50.996.174.107</b>
111	1. Tiền		9.925.207.327	4.868.174.107
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	46.128.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>69.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	69.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>559.499.234.549</b>	<b>354.892.383.923</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	120.237.929.379	90.625.018.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	389.457.447.324	204.443.474.753
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	-	28.109.348.242
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	63.425.320.028	45.336.004.289
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1,5, 2,6	(13.621.462.182)	(13.621.462.182)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>408.062.051.335</b>	<b>430.789.870.969</b>
141	1. Hàng tồn kho		408.625.623.839	431.353.443.473
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(563.572.504)	(563.572.504)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>972.097.814</b>	<b>834.375.535</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		972.097.814	834.375.535
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.475.274.704.219</b>	<b>1.503.927.465.317</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>13.688.871.389</b>	<b>17.457.045.363</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	13.688.871.389	17.457.045.363
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.088.072.395.165</b>	<b>1.165.281.886.146</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.056.806.393.345	1.133.699.392.018
222	Nguyên giá		2.420.531.213.185	2.522.183.917.190
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.363.724.819.840)	(1.388.484.525.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	31.266.001.820	31.582.494.128
228	Nguyên giá		41.382.857.235	41.382.857.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.116.855.415)	(9.800.363.107)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>73.401.549.867</b>	<b>27.591.395.208</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	73.401.549.867	27.591.395.208
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>266.578.587.746</b>	<b>258.789.703.362</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		243.368.989.928	233.506.593.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	36.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(28.541.547.982)	(26.468.036.324)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>33.533.300.052</b>	<b>34.807.435.238</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	33.533.300.052	34.807.435.238
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.453.733.295.244</b>	<b>2.410.440.269.851</b>

802  
 NG T  
 NH  
 & Y  
 TN  
 NH  
 N  
 M



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>926.407.158.513</b>	<b>793.426.597.033</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>848.835.562.637</b>	<b>713.422.462.082</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	51.896.363.195	54.582.630.709
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	2.083.163.968	7.146.814.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	23.197.795.516	9.785.605.291
314	4. Phải trả người lao động		13.700.898.107	3.993.656.147
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	46.074.424.253	2.530.040.935
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	10.347.434.640	9.812.885.590
320	7. Vay ngắn hạn	17	669.965.972.493	598.325.827.438
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	31.569.510.465	27.245.001.372
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>77.571.595.876</b>	<b>80.004.134.951</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	9.808.905.093	9.808.905.093
338	2. Vay dài hạn	17	7.749.991.667	2.000.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	60.012.699.116	68.195.229.858
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.527.326.136.731</b>	<b>1.617.013.672.818</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.493.347.379.312</b>	<b>1.577.381.593.742</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(32.871.691.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		572.501.336.375	562.164.076.532
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		73.541.322.153	135.041.105.426
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		44.965.057.816	31.668.506.997
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		28.576.264.337	103.372.598.429
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>33.978.757.419</b>	<b>39.632.079.076</b>
431	1. Nguồn kinh phí	21	5.957.826.653	2.219.567.653
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	21	28.020.930.766	37.412.511.423
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.453.733.295.244</b>	<b>2.410.440.269.851</b>

*Đỗ Đình Dũng*

Người lập  
Đỗ Đình Dũng

*Lê Thị Huệ*

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.301.455.350.759	2.025.652.396.466
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	1.858.056.565
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.301.455.350.759	2.023.794.339.901
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	1.164.705.326.939	1.785.682.875.809
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		136.750.023.820	238.111.464.092
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	8.563.368.799	10.168.511.887
22	7. Chi phí tài chính	25	43.371.001.804	28.963.772.689
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		40.808.879.282	35.472.504.140
25	8. Chi phí bán hàng	26	31.422.446.274	26.585.260.925
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.906.684.819	65.266.107.914
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		31.613.259.722	127.464.834.451
31	11. Thu nhập khác	27	8.737.279.954	1.781.007.699
32	12. Chi phí khác	27	6.109.248.454	6.040.530.014
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		2.628.031.500	(4.259.522.315)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		34.241.291.222	123.205.312.136
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	5.665.026.885	19.832.713.707
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		28.576.264.337	103.372.598.429



Người lập  
Đỗ Đình Dũng



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>34.241.291.222</b>	<b>123.205.312.136</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		124.231.282.185	140.118.822.051
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		2.073.511.658	(158.858.218)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(194.898.370)	181.967.595
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.343.243.380)	(11.394.886.648)
06	Chi phí lãi vay	25	40.808.879.282	35.472.504.140
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	14.000.000.000
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>185.816.822.597</b>	<b>301.424.861.056</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(132.301.929.656)	(3.949.625.047)
10	Giảm hàng tồn kho		22.727.819.634	101.888.350.088
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		14.209.444.991	(102.326.822.961)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.136.412.907	(24.823.804.016)
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.223.283.764)	(36.422.295.686)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(13.856.177.762)	(15.417.970.744)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.655.294.000	9.585.160.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.686.860.372)	(18.287.253.341)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>30.477.542.575</b>	<b>211.670.599.349</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(76.074.040.837)	(43.573.628.815)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		30.241.850.000	2.136.558.150
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(108.455.344.813)	(203.230.647.997)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		99.000.000.000	141.840.483.001
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.084.883.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.890.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.704.453.575	1.296.605.932
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(46.667.965.075)</b>	<b>(87.640.129.729)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền chi trả mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(32.871.691.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.615.166.503.405	1.292.080.455.895
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.537.776.366.683)	(1.316.757.446.245)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(69.398.990.000)	(70.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(24.880.544.278)</b>	<b>(94.676.990.350)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(41.070.966.780)</b>	<b>29.353.479.270</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>50.996.174.107</b>	<b>21.642.694.837</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>9.925.207.327</b>	<b>50.996.174.107</b>

*Đỗ Đình Dũng*

*Lê Thị Huệ*



Người lập  
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là: 778 (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 832).

***Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 96,04% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 8 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
8	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BỘ  
CỔ  
T  
IST  
VIỆ  
:HI  
H.  
/KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 vào ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính;
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao cho một số tài sản là nhà xưởng vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2 và Xí nghiệp cơ giới từ 7 đến 25 năm tăng lên thành từ 9 đến 38 năm. Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 nếu Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao cho các tài sản này như trong các năm tài chính trước sẽ làm tăng giá vốn hàng bán trong năm và tăng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền ước tính lần lượt là 9,7 tỷ VND và 7,2 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2017/TTLT-BKHCBTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2017. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.15 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

08/06/2018  
 VI  
 H  
 KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đường. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	120.156.102	352.646.957
Tiền gửi ngân hàng	9.805.051.225	4.515.527.150
Các khoản tương đương tiền	-	46.128.000.000
	<b>9.925.207.327</b>	<b>50.996.174.107</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	116.134.094.971	84.125.957.311
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	38.135.895.000	66.714.186.000
- Công ty Cổ phần TM & DV Song Phương	34.703.190.000	-
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	28.444.563.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.850.446.971	17.411.771.311
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.103.834.408	6.499.061.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.237.929.379</b>	<b>90.625.018.821</b>
Dự phòng	(4.235.401.876)	(4.235.401.876)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	255.317.714.695	148.117.029.957
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	173.725.841.958	130.818.979.117
Công ty TNHH Kim Hà Việt	46.250.000.000	-
Công ty TNHH An Hà	25.450.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	9.891.872.737	17.298.050.840
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 30)	134.139.732.629	56.326.444.796
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>389.457.447.324</b>	<b>204.443.474.753</b>
Dự phòng	(882.000.000)	(882.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (*)	11.474.918.811	-	10.139.602.634	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	17.306.646.357	-	974.983.882	-
Phải thu về tiền lãi dự thu	-	-	5.335.983.146	-
Phải thu Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	14.909.094.974	-	11.599.669.218	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh khác (**)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Phải thu Hiệp hội mía đường Lam Sơn	3.573.880.000	-	-	-
Phải thu khác	1.656.719.580	-	2.781.705.103	-
	<b>63.425.320.028</b>	<b>(8.504.060.306)</b>	<b>45.336.004.289</b>	<b>(8.504.060.306)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (*)	13.688.871.389	-	17.457.045.363	-
	<b>13.688.871.389</b>	<b>-</b>	<b>17.457.045.363</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.114.191.417</b>	<b>(8.504.060.306)</b>	<b>62.793.049.652</b>	<b>(8.504.060.306)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	8.596.698.142		11.264.147.318	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	54.828.621.886		34.071.856.971	
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	13.688.871.389		17.457.045.363	

(\*) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn, một công ty con của Công ty, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh sản xuất lúa hữu cơ ký ngày 1 tháng 1 năm 2017 và bao gồm 11.474.918.811 VND là giá trị vốn góp lưu động và 13.688.871.389 VND là giá trị vốn góp dài hạn. Căn cứ theo hợp đồng này, Công ty sẽ được hoàn trả khoản vốn góp lưu động khi kết thúc mùa vụ sản xuất và khoản vốn góp dài hạn sẽ được hoàn trả đều trong vòng 5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia 50% lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này.

(\*\*) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn vào ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	368.605.409.440	-	339.325.695.684	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	20.632.841.163	(563.572.504)	27.316.879.643	(563.572.504)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.334.279.418	-	18.048.825.302	-
Công cụ, dụng cụ	768.591.063	-	305.696.321	-
Hàng hóa	4.284.502.755	-	46.356.346.523	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>408.625.623.839</u></b>	<b><u>(563.572.504)</u></b>	<b><u>431.353.443.473</u></b>	<b><u>(563.572.504)</u></b>

Công ty đã sử dụng toàn bộ thành phẩm tồn kho làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện, vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	469.297.046.244	1.969.152.281.277	61.060.235.576	22.140.964.093	533.390.000	2.522.183.917.190
- Mua trong năm	5.751.396.478	26.502.418.960	1.669.578.000	177.150.000	-	34.100.543.438
- Đầu tư XDCB hoàn thành	47.691.112.230	-	-	-	-	47.691.112.230
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(2.568.478.439)	(157.926.927.329)	(11.044.900.101)	(1.167.763.804)	-	(172.708.069.673)
- Giảm khác (**)	(10.736.290.000)	-	-	-	-	(10.736.290.000)
Số cuối năm	509.434.786.513	1.837.727.772.908	51.684.913.475	21.150.350.289	533.390.000	2.420.531.213.185
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	201.586.189.229	427.666.353.154	22.312.846.462	18.450.861.185	-	670.016.250.030
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	226.570.369.329	1.086.583.499.962	53.771.596.543	21.283.923.125	275.136.213	1.388.484.525.172
- Khấu hao trong năm	16.813.184.881	109.377.781.217	2.109.065.388	350.588.082	50.369.400	128.700.988.968
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(2.519.277.643)	(137.023.300.441)	(11.044.900.101)	(1.167.763.802)	-	(151.755.241.987)
- Giảm khác (**)	(1.705.452.313)	-	-	-	-	(1.705.452.313)
Số cuối năm	239.158.824.254	1.058.937.980.738	44.835.761.830	20.466.747.405	325.505.613	1.363.724.819.840
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	242.726.676.915	882.568.781.315	7.288.639.033	857.040.968	258.253.787	1.133.699.392.018
Số cuối năm	270.275.962.259	778.789.792.170	6.849.151.645	683.602.884	207.884.387	1.056.806.393.345

(\*) Bao gồm nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy đường số 1 đã được Công ty thanh lý trong năm với nguyên giá và khấu hao lũy kế lần lượt là 167.798.768.933 VND và 146.931.897.936 VND.

(\*\*) Thực hiện Nghị quyết số 251 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản của Trường mầm non Công ty đường Lam Sơn được Công ty đầu tư bằng nguồn kinh phí sự nghiệp cho Ủy ban Nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa quản lý và sử dụng. Công ty đã ghi giảm giá trị tài sản cố định, giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định tại thời điểm bàn giao tài sản.

Công ty đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm, cuối năm	19.037.780.000	13.157.797.517	9.187.279.718	41.382.857.235
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	-	9.032.479.718	9.032.479.718
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	705.963.384	9.094.399.723	9.800.363.107
- Hao mòn trong năm	-	285.532.308	30.960.000	316.492.308
Số cuối năm	-	991.495.692	9.125.359.723	10.116.855.415
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	19.037.780.000	12.451.834.133	92.879.995	31.582.494.128
Số cuối năm	19.037.780.000	12.166.301.825	61.919.995	31.266.001.820

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.257.333.204	13.339.683.931
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	35.720.746.278	11.772.191.296
Dự án Đầu tư ứng dụng công nghệ cao xử lý môi trường tại nhà máy cồn	7.423.470.385	2.387.999.981
Các dự án khác	-	91.520.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.401.549.867</b>	<b>27.591.395.208</b>

## Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>243.368.989.928</b>	<b>(6.591.622.365)</b>	<b>236.777.367.563</b>		<b>233.506.593.886</b>	<b>(4.645.925.385)</b>	<b>228.860.668.501</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	1.180.000	25.960.000.000	-	25.960.000.000	1.180.000	25.960.000.000	-	25.960.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng		21.396.593.886	-	21.396.593.886		21.396.593.886	-	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	1.395.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000	1.395.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	1.350.000	13.500.000.000	(413.961.613)	13.086.038.387	1.350.000	13.500.000.000	(615.980.245)	12.884.019.755
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	1.140.000	11.400.000.000	(6.177.660.752)	5.222.339.248	1.140.000	11.400.000.000	(4.029.945.140)	7.370.054.860
Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn		8.300.000.000	-	8.300.000.000		8.300.000.000	-	8.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn		139.000.000.000	-	139.000.000.000		139.000.000.000	-	139.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn (*)		9.862.396.042	-	9.862.396.042		-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>36.500.000.000</b>	<b>(21.949.925.617)</b>	<b>14.550.074.383</b>		<b>36.500.000.000</b>	<b>(21.822.110.939)</b>	<b>14.677.889.061</b>
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	1.500.000	15.000.000.000	(449.925.617)	14.550.074.383	1.500.000	15.000.000.000	(322.110.939)	14.677.889.061
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>15.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>15.251.145.800</b>		<b>15.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>15.251.145.800</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>295.120.135.728</b>	<b>(28.541.547.982)</b>	<b>266.578.587.746</b>		<b>285.257.739.686</b>	<b>(26.468.036.324)</b>	<b>258.789.703.362</b>

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty con, công ty liên kết cũng như các khoản đầu tư góp vốn khác do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(\*) Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng số vốn điều lệ là 26 tỷ đồng do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng giá trị vốn góp là 9.862.396.042 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

**11.2 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	30%	30%

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm 30% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	33.012.194.454	34.165.773.738
Chi phí trả trước khác	521.105.598	641.661.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.533.300.052</b>	<b>34.807.435.238</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	46.431.377.144	46.431.377.144	40.327.340.976	40.327.340.976
<i>Công ty Cổ phần Bao bì VLC</i>	6.276.201.000	6.276.201.000	110.361.900	110.361.900
<i>Phải trả người bán khác</i>	40.155.176.144	40.155.176.144	40.216.979.076	40.216.979.076
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	5.464.986.051	5.464.986.051	14.255.289.733	14.255.289.733
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.896.363.195</b>	<b>51.896.363.195</b>	<b>54.582.630.709</b>	<b>54.582.630.709</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.083.163.968	2.083.163.968	6.603.114.600	6.603.114.600
<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc</i>	1.066.838.500	1.066.838.500	998.881.660	998.881.660
<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tây Bắc</i>	693.845.000	693.845.000	-	-
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác</i>	322.480.468	322.480.468	5.604.232.940	5.604.232.940
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	-	-	543.700.000	543.700.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.083.163.968</b>	<b>2.083.163.968</b>	<b>7.146.814.600</b>	<b>7.146.814.600</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số phải nộp trong năm
Thuế giá trị gia tăng	144.927.481	46.435.716.670	(25.158.616.416)	21.422.027.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29)	9.595.067.813	5.665.026.885	(13.856.177.762)	1.403.916.936
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.996.648.255	(1.676.393.553)	320.254.702
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.688.410.427	(2.688.410.427)	-
Các loại thuế khác	45.609.997	645.324.256	(639.338.110)	51.596.143
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.785.605.291</b>	<b>57.431.126.493</b>	<b>(44.018.936.268)</b>	<b>23.197.795.516</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	696.459.019	1.110.863.501
Chi phí vận chuyển mía	26.108.700.509	-
Chi phí xây dựng, đầu tư tài sản	12.676.244.600	-
Chi phí phải trả phí dịch vụ tìm kiếm khách hàng	2.809.911.902	-
Các khoản chi phí phải trả khác	3.783.108.223	1.419.177.434
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>46.074.424.253</u></b>	<b><u>2.530.040.935</u></b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2017	2.234.355.000	2.234.355.000
Kinh phí công đoàn	1.428.802.632	1.260.187.868
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.016.036.956	774.601.080
Các khoản phải trả khác	4.668.240.052	5.543.741.642
	<b><u>10.347.434.640</u></b>	<b><u>9.812.885.590</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động	1.230.000.000	1.230.000.000
	<b><u>9.808.905.093</u></b>	<b><u>9.808.905.093</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.156.339.733</u></b>	<b><u>19.621.790.683</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	9.343.079.640	8.808.530.590
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	2.234.355.000	2.234.355.000
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	8.578.905.093	8.578.905.093

MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng	596.995.827.438	596.995.827.438	1.603.666.503.405	1.534.529.691.683	666.132.639.160	666.132.639.160
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.330.000.000	1.330.000.000	-	1.330.000.000	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	5.750.008.333	1.916.675.000	3.833.333.333	3.833.333.333
	<b>598.325.827.438</b>	<b>598.325.827.438</b>	<b>1.609.416.511.738</b>	<b>1.537.776.366.683</b>	<b>669.965.972.493</b>	<b>669.965.972.493</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay ngân hàng	-	-	11.500.000.000	5.750.008.333	5.749.991.667	5.749.991.667
Vay dài hạn đối tượng khác (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>5.750.008.333</b>	<b>7.749.991.667</b>	<b>7.749.991.667</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>600.325.827.438</b>	<b>600.325.827.438</b>	<b>1.620.916.511.738</b>	<b>1.543.526.375.016</b>	<b>677.715.964.160</b>	<b>677.715.964.160</b>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 01/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2018 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY (tiếp theo)**

**17.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	388.498.493.407	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 3 năm 2019. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,5% - 5,8%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	20.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 23 tháng 9 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	92.652.027.130	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 11 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,5%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	164.982.118.623	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 10 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,5% - 7,9%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện

**666.132.639.160**

**17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	9.583.325.000	Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 25 tháng 2 năm 2018. Lãi vay trả hàng quý.	8,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện

**TỔNG CỘNG 9.583.325.000**

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333
- Vay dài hạn	5.749.991.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	27.245.001.372	21.571.424.553
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 20.1)	10.337.259.843	10.297.847.100
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	(2.200.664.659)	-
Sử dụng quỹ trong năm	(3.812.086.091)	(4.624.270.281)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>31.569.510.465</u></b>	<b><u>27.245.001.372</u></b>

**19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	68.195.229.858	57.833.502.188
Trích lập quỹ trong năm	-	14.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(8.182.530.742)	(3.638.272.330)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>60.012.699.116</u></b>	<b><u>68.195.229.858</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>13.544.321.387</i>	<i>19.721.560.671</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>46.468.377.729</i>	<i>48.473.669.187</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số dư đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	-	551.866.229.432	124.513.957.533	1.556.556.598.749
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	103.372.598.429	103.372.598.429
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.297.847.100)	(10.297.847.100)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	10.297.847.100	(10.297.847.100)	-
- Thường Ban điều hành	-	-	-	-	(2.234.355.000)	(2.234.355.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(15.401.336)	(15.401.336)
Số dư cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	-	562.164.076.532	135.041.105.426	1.577.381.593.742
<b>Năm nay</b>						
Số dư đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	-	562.164.076.532	135.041.105.426	1.577.381.593.742
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	28.576.264.337	28.576.264.337
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	10.337.259.843	(10.337.259.843)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(10.337.259.843)	(10.337.259.843)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(69.398.990.000)	(69.398.990.000)
- Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(32.871.691.000)	-	-	(32.871.691.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(2.537.924)	(2.537.924)
Số dư cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	572.501.336.375	73.541.322.153	1.493.347.379.312

(\*) Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 11 năm 2017.

(\*\*) Thực hiện Nghị quyết số 683 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 3.005.050 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
Cổ phiếu quỹ	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>847.304.720.784</b>	<b>847.304.720.784</b>	<b>-</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>-</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>69.398.990.000</b>	<b>70.000.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016 - 2017: 10.000 VND).

**20.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>(3.005.050)</b>	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>66.994.950</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	66.994.950	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**20.5 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2016/2017	69.398.990.000	
Cổ tức cho năm 2015/2016		70.000.000.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm</b>	<b>-</b>	<b>56.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**21.1 Nguồn kinh phí**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.219.567.653	3.909.335.593
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	15.655.294.000	9.585.160.000
Chi trong năm	(11.917.035.000)	(11.274.927.940)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.957.826.653</b>	<b>2.219.567.653</b>

**21.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.412.511.423	40.071.468.816
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.200.664.659	-
Sử dụng quỹ	(2.561.407.629)	(2.658.957.393)
Giảm khác (Thuyết minh số 8)	(9.030.837.687)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.020.930.766</b>	<b>37.412.511.423</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	294.465.238.095	187.465.634.602
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	172.466.666.667	-
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	121.998.571.429	187.465.634.602
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	2.942	3.256
- Euro (EUR)	269	335

(\*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là giá trị của 25.286 tấn đường và 1,2 tấn mật rỉ được Công ty xuất bán cho khách hàng (bao gồm các bên liên quan) và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.301.455.350.759</b>	<b>2.025.652.396.466</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.145.006.339.459	1.461.678.408.969
Doanh thu bán hàng hóa	108.002.529.401	517.249.681.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.446.481.899	46.724.305.640
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	(1.858.056.565)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.301.455.350.759</b>	<b>2.023.794.339.901</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	403.238.231.817	452.304.030.955
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác	898.217.118.942	1.571.490.308.946

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.949.893.429	6.486.146.578
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.418.577.000	146.442.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	194.898.370	179.212.809
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	3.356.710.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.563.368.799</b>	<b>10.168.511.887</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.017.663.348.533	1.226.596.120.838
Giá vốn của hàng hóa đã bán	106.800.222.636	516.006.894.278
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.241.755.770	43.079.860.693
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.164.705.326.939</b>	<b>1.785.682.875.809</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	40.808.879.282	35.472.504.140
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2.073.511.658	(7.141.572.139)
Chi phí tài chính khác	488.610.864	632.840.688
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.371.001.804</u></b>	<b><u>28.963.772.689</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	5.344.335.844	8.138.284.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.650.580.524	1.559.858.229
Chi phí vận chuyển	7.609.372.049	7.260.930.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.056.820.219	6.257.313.075
Chi phí khác	8.761.337.638	3.368.875.055
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.422.446.274</u></b>	<b><u>26.585.260.925</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	17.102.147.813	16.140.373.501
Trích lập quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	-	14.000.000.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.858.431.601	6.307.739.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.728.771.016	11.801.137.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.217.334.389	17.016.857.861
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38.906.684.819</u></b>	<b><u>65.266.107.914</u></b>

**27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.737.279.954</b>	<b>1.781.007.699</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định	6.974.772.951	702.793.785
Thu nhập khác	1.762.507.003	1.078.213.914
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.109.248.454</b>	<b>6.040.530.014</b>
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	5.111.754.003	4.535.695.075
Chi phí khác	997.494.451	1.504.834.939
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b><u>2.628.031.500</u></b>	<b><u>(4.259.522.315)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	924.674.498.393	1.038.034.993.355
Chi phí nhân công	48.741.864.384	45.216.824.809
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	119.119.528.182	135.583.126.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.748.881.811	28.871.844.567
Chi phí khác	34.793.290.315	39.773.597.049
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.153.078.063.085</u></b>	<b><u>1.287.480.386.756</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ năm tài chính 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>34.241.291.222</b>	<b>123.205.312.136</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	69.227.273	534.922.512
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	5.111.754.003	4.535.695.075
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	192.000.000	213.000.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	952.588.744	-
Chi phí không được khấu trừ khác	-	424.095.913
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.418.577.000)	(146.442.500)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>38.148.284.242</b>	<b>128.766.583.136</b>
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	3.686.226.378	13.297.629.424
Thu nhập chịu thuế suất 15%	32.851.877.397	113.866.508.002
Thu nhập được miễn thuế	1.610.180.467	1.602.445.710
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>5.665.026.885</b>	<b>19.739.502.085</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.595.067.813	5.180.324.850
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời của những năm trước	(161.110.000)	(227.542.713)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	161.110.000	320.754.335
Thuế TNDN đã trả trong năm	(13.856.177.762)	(15.417.970.744)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b> (Thuyết minh số 14)	<b>1.403.916.936</b>	<b>9.595.067.813</b>

KẾ TÍNH SỔ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Bán đường	65.371.428.570	-
		Mua nguyên liệu	50.335.160.360	54.375.642.482
		Cung cấp dịch vụ	4.404.768.848	3.150.731.140
		Điều chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	12.024.686.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Bán đường	94.666.666.667	-
		Mua nguyên liệu	107.957.595.600	72.699.510.928
		Chi phí làm đất	196.000.000	11.572.340.772
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	28.604.380.952	-
		Mua phân bón	2.437.350.000	208.811.000
		Cho vay ngắn hạn	78.443.925.797	104.487.904.813
		Thu hồi gốc vay	113.595.331.008	141.918.043.000
		Thu hồi lãi vay	2.190.160.326	3.828.524.813
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Bán đường	6.142.857.143	-
		Bán lúa	719.267.642	-
		Mua lúa nguyên liệu	2.592.867.600	-
		Mua mía nguyên liệu	985.389.537	13.301.281.582
		Dịch vụ cơ giới	135.173.625	-
Bán công cụ, dụng cụ	-	3.340.918.250		
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty con	Mua đường	15.252.952.381	150.895.714.286
		Bán vật tư	28.947.600	-
		Bán nguyên vật liệu	65.679.632.639	-
		Bán tài sản cố định	-	6.456.433.000
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	799.330.365	-
		Bán điện và hàng hóa khác	4.288.413.406	-
		Tiền làm đất	777.231.831	-
		Mua nguyên liệu	3.784.390.240	3.530.418.518
		Mua tài sản	214.000.000	-
		Góp vốn bằng tài sản cố định	-	112.603.726.503
		Góp vốn bằng tài sản khác	-	26.396.273.497
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	88.770.362.614	-
		Góp vốn bằng tiền	5.084.883.000	-
		Góp vốn bằng các khoản công nợ phải thu	4.644.980.526	-
		Góp vốn bằng hàng hóa	132.532.516	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:  
(tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	-	50.483.747.533
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường Mua đường	113.846.576.858 47.292.400.000	452.304.030.955 -
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Các khoản chi hộ Mua nguyên vật liệu	5.373.880.000 -	- 5.404.702.573

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Cho vay không lãi suất	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty con	Bán tài sản cố định	-	3.577.458.510
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	1.182.231.408	-
			<b><u>4.103.834.408</u></b>	<b><u>6.499.061.510</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	67.467.991.123	24.675.740.000
		Tạm ứng tiền mua đường	23.584.400.000	1.400.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	24.848.312.098	15.028.824.224
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	13.377.244.996	14.339.880.572
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	3.979.784.412	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
			<b>134.139.732.629</b>	<b>56.326.444.796</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	28.109.348.242
			-	<b>28.109.348.242</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Các khoản chi hộ	14.909.094.974	11.599.669.218
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.474.918.811	10.139.602.634
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	-	3.828.524.813
Hiệp hội mía đường Lam sơn	Cổ đông lớn	Các khoản chi hộ	3.573.880.000	-
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	16.366.667.795	-
			<b>54.828.621.886</b>	<b>34.071.856.971</b>
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.688.871.389	17.457.045.363
			<b>13.688.871.389</b>	<b>17.457.045.363</b>

1802  
NH  
& Y  
TN  
NH  
N  
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</i></b>				
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua thành phẩm	846.020.082	-
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	965.326.830	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	3.372.681.062	4.489.125.150
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	3.237.335.161
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty con	Phải trả tiền mua đường	17.085.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả phí dịch vụ	263.873.077	6.528.829.422
			<b>5.464.986.051</b>	<b>14.255.289.733</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	-	543.700.000
			-	<b>543.700.000</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Phải trả về lợi nhuận vượt kế hoạch kỳ kế toán 2015-2016	2.234.355.000	2.234.355.000
			<b>2.234.355.000</b>	<b>2.234.355.000</b>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
			<b>8.578.905.093</b>	<b>8.578.905.093</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN  
 T. P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 22)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Đường thành phẩm	94.666.666.667	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Đường thành phẩm	6.142.857.143	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Đường thành phẩm	65.371.428.571	-
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Đường thành phẩm	6.285.714.286	-
			<b>172.466.666.667</b>	<b>-</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.243.954.737	4.214.876.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.243.954.737</b>	<b>4.214.876.416</b>

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm từ dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn**

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có cam kết khoảng 14 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty

Người lập  
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018